

Bản án số: 165/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2020

V/v Ly hôn giữa bà H, ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Võ Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 549/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐ- HPT ngày 01/4/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Đường PĐ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐCLL: Đường C, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xã T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường D, Phường P, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐCLL: Đường PĐ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị Kim H trình bày: Bà H và ông Nguyễn Xã T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 22/4/2009.

Sau một thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, luôn bất đồng ý kiến, không còn tin tưởng lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mặt khác mâu thuẫn giữa gia đình bà H và ông T không thể hàn gắn. Nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không thể hòa thuận. Ông T đã nhiều lần đánh đập bà H và bà H đã về nhà mẹ ruột ở từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Xã T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tự L, sinh ngày 19/9/2006 và Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 15/7/2011. Bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Căn nhà số Đường PĐ, Phường A, Quận B chưa có giấy tờ; 01 xe SH biển số 59S3-46468 do bà H đứng tên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Nợ ông Lương Tấn D số tiền là 120.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC, nợ bà Lương Thị Kim C số tiền 450.000.000 đồng (mượn mua căn nhà Đường PĐ, Phường A, Quận B) đề nghị Tòa án triệu tập ông D và bà C. Nếu ông T yêu cầu chia tài sản thì đề nghị Tòa án chia đôi số nợ này, vì nợ trong thời kì hôn nhân.

Bị đơn ông Nguyễn Xã T trình bày: Ông T thống nhất về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà Lương Thị Kim H.

Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, luôn bất đồng ý kiến. Ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đáng kể nhưng do không giải quyết được triệt để nên vợ chồng bắt đầu bất mãn lẫn nhau dẫn đến không thể hàn gắn, bà H không chung thủy. Cả hai thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn nhiều thứ. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T có ý kiến như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Xã T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tự L, sinh ngày 19/9/2006 và Nguyễn Thị Kim Á, sinh ngày 15/7/2011, ông T đề nghị giao hai con chung này cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, **không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.**

- Về tài sản chung: Gồm có nhà số Đường PĐ, Phường A, Quận B chưa có giấy tờ, mua bán **bằng** giấy tay; căn nhà đường C, Phường A, Quận B, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05991 sổ chung do **bà** Trần Thị Phương N đứng tên và 01 miếng đất diện tích 100m2 tại địa chỉ số X phường L, quận N, TP. Hồ Chí Minh chưa có giấy tờ, 01 xe SH biển số 59S3-46468 do bà H đứng tên;

Ông T yêu cầu để lại căn nhà số Đường PĐ, Phường A, Quận B, TP. HCM cho hai con Nguyễn Tự L, sinh ngày 19/9/2006 và Nguyễn Thị Kim A sinh ngày 15/7/2011, ông T không yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: ông T tự khai không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: có 02 con chung là trẻ Nguyễn Tự L (sinh ngày 19/9/2006) và trẻ Nguyễn Thị Kim Á (sinh ngày 15/7/2011), bà H và ông T tự thỏa thuận giao cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 trẻ cho đến khi trưởng thành, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu tòa giải quyết, đối với ông T nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác.

Án phí do đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 6, cấp ngày 22/4/2009, cùng lời khai của bà H và ông T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu khởi kiện: Bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Xã T, ông T và bà H kết hôn năm 2009 và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tình cảm không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặt khác, mâu thuẫn giữa gia đình bà H và ông T ngày càng sâu sắc hơn.

Tại phiên tòa, bà H trình bày:

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tự L, sinh ngày 19/9/2006 và Nguyễn Thị Kim Á, sinh ngày 15/7/2011, ông T và bà H cùng thỏa thuận

giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận. Xét, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Căn nhà số Đường PĐ, Phường A, Quận B chưa có giấy tờ bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn 01 chiếc xe SH biển số 59S3-46468 do bà H đứng tên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: Ngày 11/11/2019, bà H khai nợ ông Lương Tấn D số tiền là 120.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC, nợ bà Lương Thị Kim C số tiền 450.000.000 đồng (mượn mua căn nhà Đường PĐ, Phường A, Quận B) bà H xác nhận đây là nợ do cá nhân của bà H mượn không liên quan đến ông T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Xã T:

Tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2019, ông T có yêu cầu chia tài sản chung gồm có nhà đường PĐ, Phường A, Quận B, TP. HCM (nhà không có giấy tờ) và nhà số Đường C, Phường A, Quận B có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05991 sổ chung do bà Trần Thị Phương N đứng tên; 01 miếng đất diện tích 100m² tại địa chỉ số số X phường L, quận N, TP. Hồ Chí Minh chưa có giấy tờ. 01 xe SH biển số 59S3-46468 do bà H đứng tên; Ông T yêu cầu để lại căn nhà đường PĐ, Phường A, Quận B, TP. HCM cho con Nguyễn Tự L, sinh ngày 19/9/2006 và Nguyễn Thị Kim Á sinh ngày 15/7/2011.

Ngày 05/3/2020, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu ông T nộp tài liệu, chứng cứ bổ sung cho yêu cầu chia tài sản chung và thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung và không đồng ý ly hôn. Khi nào bà H chấp nhận chia tài sản chung thì ông T mới đồng ý ly hôn. Do đó, về yêu cầu chia tài sản chung, ông T không yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án ly hôn này, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà H có nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc ông T nhiều lần đánh đập bà H, hiện nay bà H cũng đã về nhà mẹ ruột ở từ năm 2018 đến nay. Ông T và bà H vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để ông T và bà H đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng qua nhiều lần hòa giải, giữa ông T và bà H vẫn không thể hàn gắn được, bà H và ông T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lương Thị Kim H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Xã T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tự L, sinh ngày 19/9/2006 và Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 15/7/2011, ông T và bà H cùng thỏa thuận giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Ông T và bà H tự khai không có nợ ai.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010841 ngày 21/02/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Bảy